**NHÓM 2:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **1** | **Hoàng Hồng Thị** | **Trường THCS Bạch Xa** |
| **2** | **Ngô Thị Kim Thành** | **Trường THCS Minh Dân** |
| **3** | **Hoàng Hồng Nhung** | **TRường THCS Nhân Mục** |
| **4** | **Hoàng Hương Giang** | **Trường THCS Thái Hòa** |
| **5** | **Lưu Thị Thơm** | **Trường THCS Yên Nguyên** |
| **6** | **Lương Ngọc Trung** | **Trường THCS Yên Hương** |

**TIẾT 18**

**KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**

**Năm học 2024-2025**

**Môn: Công nghệ 9 (Sách cánh diều)**

## I. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA

- Thời điểm kiểm tra: Kiểm tra cuối học kì I, khi kết thúc nội dung:

1. Lí thuyết cơ bản về lựa chọn nghề nghiệp

2. Lựa chọn nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.

3. Đánh giá mức độ phù hợp với ngành nghề thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.

- Thời gian làm bài: 45 phút.

- Hình thức kiểm tra: Kết hợp giữa trắc nghiệm và tự luận (tỉ lệ 70% trắc nghiệm, 30% tự luận).

- Cấu trúc:

- Mức độ đề: 40% Nhận biết; 30% Thông hiểu; 20% Vận dụng; 10% Vận dụng cao.

- Phần trắc nghiệm: 7,0 điểm, gồm 28 câu hỏi (ở mức độ Nhận biết: 16 câu, Thông hiểu 12 câu)

- Phần tự luận: 3,0 điểm (Vận dụng: 2,0 điểm; Vận dụng cao: 1 điểm)

- Nội dung nửa đầu học kì: 30% (3,0 điểm)

- Nội dung nửa học kì sau: 70% (7,0 điểm)

| **TT** | **Chương/ Chủ đề** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Số tiết/đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | | | | | | **Tổng số câu/ý** | | **Tổng % điểm** | **Tổng điểm** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TN** | **TN** | **TN** | **TL** | **TN** | **TL** | **TN** | **TL** |
| **1** | **Định hướng nghề nghiệp** | 1.1. Giáo dục kĩ thuật, công nghệ trong hệ thống giáo dục quốc dân | 3 | 4 | 2 |  |  |  |  | 6 | 0 | 15,00 | 1,50 |
| 1.2. Thị trường lao động kĩ thuật, công nghệ tại Việt Nam | 3 | 2 | 4 |  |  |  |  | 6 | 0 | 15,00 | 1,50 |
| **Tổng số nội dung đã kiểm tra giữa kì** | **6** | **6** | **6** | **0** | **0** | **0** | **0** | **12** | **0** | **30** | **3** |
| 1.3. Lí thuyết cơ bản về lựa chọn nghề nghiệp | 2 | 1 |  |  | 1 |  |  | 1 | 1 | 20,00 | 2,25 |
| 1.4. Lựa chọn nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ. | 2 | 7 | 2 |  |  |  |  | 9 | 0 | 20,00 | 2,25 |
| 1.5. Đánh giá mức độ phù hợp với ngành nghề thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ. | 3 | 2 | 4 |  |  |  | 1 | 6 | 1 | 30,00 | 2,50 |
| **Tổng số nội dung chưa kiểm tra giữa kì** | **7** | **10** | **6** | **0** | **1** | **0** | **1** | **16** | **2** | **70** | **7** |
| **Tổng** | | | **13** | **16** | **12** | **0** | **1** | **0** | **1** | **28** | **2** | **100** | **10** |
| **Tỉ lệ %** | | |  | **40%** | **30%** | **20%** | | **10%** | | **70%** | **30%** | **100%** |  |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **70%** | | **30%** | | | |  |  | **100%** |  |

**II. BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA**

| **TT** | **Nội dung kiến thức** | **Đơn vị**  **kiến thức** | **Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ**  **nhận thức** | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **NB** | **TH** | **VD** | **VD cao** |
| **1**  **1**  **1** | **Định hướng nghề nghiệp**  **Định hướng nghề nghiệp**  **Định hướng nghề nghiệp** | 1.1. Giáo dục kĩ thuật, công nghệ trong hệ thống giáo dục quốc dân | **Nhận biết:**   * Kể tên được những thành tố chính trong hệ thống giáo dục tại Việt Nam. * Nhận ra được các thời điểm có sự phân luồng trong hệ thống giáo dục.   - Nhận ra được cơ hội lựa chọn nghề nghiệp kĩ thuật, công nghệ trong hệ thống giáo dục.   * Trình bày được những hướng đi liên quan tới nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ sau khi kết thúc THCS.   **Thông hiểu:**   * Mô tả được cơ cấu hệ thống giáo dục tại Việt Nam.   Giải thích được các thời điểm có sự phân luồng trong hệ thống giáo dục.  *-* Giải thích được cơ hội lựa chọn nghề nghiệp kĩ thuật, công nghệ trong hệ thống giáo dục.   * Giải thích được những hướng đi liên quan tới nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ sau khi kết thúc THCS.   **Vận dụng:**  Tìm hiểu được thông tin về các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ. | **4** | **2** |  |  |
| 1.2. Thị trường lao động kĩ thuật, công nghệ tại  Việt Nam | **Nhận biết:**   * Trình bày được khái niệm về thị trường lao động. * Trình bày được các yếu tố ảnh hưởng tới thị trường lao động.   Trình bày được vai trò của thị trường lao động trong việc định hướng nghề nghiệp thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.   * Trình bày được các thông tin về thị trường lao động trong lĩnh vực kĩ thuật và công nghệ.   **Thông hiểu:**  - Mô tả được những vấn đề cơ bản của thị trường lao động tại Việt Nam hiện nay.   * Phân tích được các thông tin về thị trường lao động trong lĩnh vực kĩ thuật và công nghệ.   **Vận dụng:**  Tìm kiếm được các thông tin về thị trường lao động trong lĩnh vực kĩ thuật và công nghệ. | **2** | **4** |  |  |
| 1.2. Lí thuyết cơ bản về lựa chọn nghề nghiệp | **Nhận biết:**  - Kể tên được một số lí thuyết lựa chọn nghề nghiệp.  **Thông hiểu:**  *-* Tóm tắt được một số lí thuyết cơ bản về lựa chọn nghề nghiệp. | **1** |  | **1** |  |
| 1.3. Lựa chọn nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ. | **Nhận biết:**   * Trình bày được các bước trong quy trình lựa chọn nghề nghiệp. * Trình bày được các yếu tố ảnh hưởng tới quyết định lựa chọn nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.   **Thông hiểu:**  Giải thích được các bước trong quy trình lựa chọn nghề nghiệp.   * Giải thích được các yếu tố ảnh hưởng tới quyết định lựa chọn nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.   **Vận dụng:**  Xác định được các yếu tố ảnh hưởng tới quyết định lựa chọn nghề nghiệp của bản thân trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ. | **7** | **2** |  |  |
| 1.4. Đánh giá mức độ phù hợp với ngành nghề thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ. | **Nhận biết:**   * Kể tên được một số năng lực cá nhân phù hợp với một số ngành nghề trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.   **Thông hiểu:**   * Giải thích được sự phù hợp của cá nhân với một số ngành nghề trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.   **Vận dụng:**  Tự đánh giá được năng lực, sở thích, cá tính của bản thân về mức độ phù hợp với một số ngành nghề thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.  **Vận dụng cao:**  - Tự đánh giá được năng lực, sở thích, cá tính của bản thân, bối cảnh của gia đình về mức độ phù hợp với một số ngành nghề thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ. | **2** | **4** |  | **1** |
|  |  |  | **Tổng** | **16TN** | **12TN** | **1TL** | **1TL** |
|  |  |  | **Tỉ lệ %** | **40%** | **30%** | **20%** | **10%** |
|  |  |  | **Tỉ lệ chung** | **70%** | | **30%** | |

**III. ĐỀ KIỂM TRA**

**A. PHẦN TRẮC NGHIỆM ( 7 điểm)**

Hãy khoanh tròn vào câu trả lời đúng nhất

**Câu 1:** Giáo dục phổ thông gồm các cấp học nào ?

A. Giáo dục mầm non, tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông.

B. Giáo dục mầm non, tiểu học và trung học cơ sở

C. Giáo dục tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông

D. thạc sĩ và tiến sĩ.

**Câu 2 :** Giáo dục phổ thông có mấy thời điểm phân luồng?

A. 1. B. 2. C. 3. D. 4.

**Câu 3:** Ở thời điểm nào học sinh có thể học tiếp lên trung học phổ thông hoặc học theo chương trình đào tạo trình độ trung cấp?

A. Sau khi hoàn thành trung học cơ sở. B. Sau khi tốt nghiệp đại học.

C. Sau khi hoàn thành tiểu học. D. Sau khi hoàn thành giáo dục mầm non.

**Câu 4:** Phân luồng trong nhà trường nhằm mục đích gì?

A. Phát triển các kỹ năng phát triển bản thân.

B. Phát triển các kỹ năng làm việc nhóm.

C. Giúp học sinh có hiểu biết về bản thân và nghề nghiệp.

D. Hiểu về chương trình đào tạo sau đại học.

**Câu 5:** Mục đích chính của giáo dục thường xuyên là gì?

A. Đào tạo trình độ đại học.

B. Giảm tỉ lệ học sinh bỏ học.

C. Phát triển chương trình đào tạo nghề nghiệp.

D. Tạo điều kiện cho mọi người học tập ở mọi lứa tuổi.

**Câu 6:** Sau khi tốt nghiệp THCS, chúng ta có thể lựa chọn hướng đi liên quan tới nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ là :

A. Học tiếp THPT

B. Lựa chọn các môn lĩnh vực khoa học tự nhiên, kĩ thuật, công nghệ như: Vật lý, hoá học, sinh học, công nghệ hoặc tin học.

C. Theo học chương trình đào tạo trình độ trung cấp những nghề nghiệp thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.

D. Cả 3 đáp án trên

**Câu 7:** Hàng hóa được trao đổi trong thị trường lao động là

A. hàng hóa tiêu dùng. B. hàng hóa dịch vụ.

C. hàng hóa sức lao động. D. hàng hóa sản xuất.

**Câu 8:**  Người lao động trong thị trường lao động sẽ làm việc dưới sự điều hành của ai?

A. Chính phủ. B. Người sử dụng lao động.

C. Công đoàn. D. Hiệp hội doanh nghiệp.

**Câu 9:** Cơ sở đào tạo nào có vai trò quan trọng trong việc đào tạo lao động phù hợp với thị trường lao động?

A. Trường đại học, cao đẳng, trung cấp. B. Trường tiểu học.

C. Trường trung học cơ sở. D. Trường trung học phổ thông.

**Câu 10:** Người sử dụng lao động trong thị trường lao động là

A. người sẽ làm việc theo thỏa thuận, được trả lương.

B. người chịu sự quản lí, điều hành.

C. người chịu sự giám sát, quản lí.

D. các doanh nghiệp, cơ quan có nhu cầu tuyển dụng lao động.

**Câu 11:** Ngành nghề nào dưới đây sau khi tốt nghiệp có thể hoạt động tại phòng thí nghiệm hay tham gia vào các bộ phận nghiên cứu và phát triển của nhà máy, xí nghiệp, doanh nghiệp tư nhân, các cơ quan nhà nước?

A. Thợ sửa chữa xe có động cơ. B. Kỹ sư hóa học.

C. Kỹ sư điện tử. D. Kỹ sư xây dựng.

**Câu 12:** Yếu tố nào dưới đây không ảnh hưởng tới thị trường lao động?

A. Sự tiến bộ của khoa học, kĩ thuật và công nghệ.

B. Chuyển dịch cơ cấu.

C. Sự biến đổi khí hậu.

D. Nhu cầu lao động.

**Câu 13:** Lí thuyết cơ bản về lựa chọn nghề nghiệp gồm:

A. Lí thuyết cây nghề nghiệp

B. Lí thuyết mật mã Holland

C. Lí thuyết chọn nghề theo “quả” và theo “rễ”

D. Lí thuyết cây nghề nghiệp, lí thuyết mật mã Holland

**Câu 14:** Khi thực hiện lựa chọn nghề nghiệp cần thực hiện qua mấy bước?

A. 1. B. 2. C. 3. D. 4.

**Câu 15:** Trong quy trình lựa chọn nghề nghiệp bước nào là quan trọng nhất?

A. Đánh giá bản thân B. Tìm hiểu thị trường lao động

C. Ra quyết định D. Tìm hiểu thị trường lao động và ra quyết định

**Câu 16:** Bước cuối cùng trong quy trình lựa chọn nghề nghiệp là

A. Ra quyết định. B. Đánh giá bản thân.

C. Tìm hiểu thị trường lao động. D. Tìm hiểu truyền thống gia đình.

**Câu 17:** Các yếu tố ảnh hưởng đến lựa chọn nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ gồm:

A. Yếu tố chủ quan.

B. Yếu tố khách quan.

C. Yếu tố gia đình và yếu tố chủ quan.

D. Yếu tố chủ quan và yếu tố khách quan.

**Câu 18:**Có mấy yếu tố chủ quan chính ảnh hưởng tới quyết định lựa chọn nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ?

A. 1 yếu tố. B. 2 yếu tố.

C. 3 yếu tố. D. 4 yếu tố.

**Câu 19:** Yếu tố nào dưới đây thuộc nhóm yếu tố chủ quan ảnh hưởng tới quyết định lựa chọn nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ?

A. Xã hội. B. Sở thích.

C. Nhà trường. D. Gia trình.

**Câu 20:** Yếu tố nào dưới đây **không** phải là yếu tố khách quan ảnh hưởng tới quyết định lựa chọn nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ?

A. Bối cảnh gia đình. B. Cá tính của bản thân.

C. Định hướng của nhà trường.  D. Sự tác động của bạn bè.

**Câu 21:** Yếu tố chủ quan ảnh hưởng đến lựa chọn nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ như là:

A. Năng lực, sở thích, bối cảnh gia đình

B. Năng lực, sở thích, cá tính của bản thân

C. Cá tính của bản thân, bối cảnh gia đình, nhà trường

D. Năng lực bản thân, nhu cầu xã hội

**Câu 22:** Yếu tố chủ quan ảnh hưởng đến lựa chọn nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ như là:

A. Bối cảnh gia đình, như cầu xã hội, năng lực bản thân

B. Bối cảnh gia đình, như cầu xã hội, năng lực bản thân, sở thích

C. Bối cảnh gia đình, như cầu xã hội, nhà trường, bạn bè

D. Năng lực bản thân, nhu cầu xã hội, nhà trường, bạn bè

**Câu 23:**Chọn phát biểu **sai** về sở thích của người phù hợp với nghề nghiệp thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.

A. Ưu thích làm việc với máy móc. B. Say mê tìm tòi về kĩ thuật.

C. Thực hiện các công việc tỉ mỉ.  D. Ưu thích làm việc với thiết bị.

**Câu 24:**Chọn phát biểu **sai** về cá tính của người phù hợp với nghề nghiệp thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.

A. Thông minh, sáng tạo. B. Làm việc thẳng thắn, trung thực.

C. Cẩn thận, đúng quy trình. D. Say mê giải quyết vấn đề kĩ thuật.

**Câu 25:**Chọn đáp án **đúng** nhất.

Tại sao sở thích là yếu tố được quan tâm khi đưa ra quyết định lựa chọn nghề nghiệp?

A. Vì được làm công việc phù hợp với sở thích sẽ mang lại niềm vui, giúp nhận biết được năng lực bản thân trong quá trình làm việc.

B. Vì được làm công việc phù hợp với sở thích sẽ mang lại niềm vui, hình thành sự đam mê với công việc, làm việc hiệu quả và thành công với nghề nghiệp đã chọn.

C. Vì được làm công việc phù hợp với sở thích sẽ mang lại niềm vui, giúp cá nhân thích

nghi với môi trường làm việc.

D. Vì được làm công việc phù hợp với sở thích sẽ hình thành sự đam mê, thích nghi với công việc.

**Câu 26:**Tại sao nhu cầu xã hội là một yếu tố ảnh hưởng tới quyết định lựa chọn nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ?

A. Vì nhu cầu lao động không liên quan đến sở thích, cá tính của cá nhân, ảnh hưởng gián tiếp đến sự lựa chọn nghề nghiệp.

B. Vì nhu cầu xã hội không thay đổi theo thời gian, ảnh hưởng gián tiếp đến sự lựa chọn nghề nghiệp.

C. Vì nhu cầu xã hội chỉ phản ánh thị trường lao động hiện tại và ảnh hưởng trực tiếp đến sự lựa chọn nghề nghiệp.

D. Vì nhu cầu xã hội luôn biến đổi không ngừng và ảnh hưởng trực tiếp đến sự lựa chọn nghề nghiệp.

**Câu 27:**Bạn A yêu thích quan sát, tìm tòi, khám phá, học hỏi, điều tra, phân tích, đánh giá hoặc giải quyết vấn đề,... Nghề nghiệp nào dưới đây sẽ phù hợp với bạn A?

A. Nhạc sĩ. B. Nhà thiên văn học.

C. Nhà văn. D. Nhà tâm lí học.

**Câu 28:**Bạn N yêu thích các hoạt động liên quan đến giúp đỡ và hỗ trợ những người khác, dễ gần, thân thiện, hợp tác,… Nghề nghiệp nào dưới đây sẽ phù hợp với bạn N?

A. Ca sĩ.  B. Kỹ sư xây dựng.

C. Bác sĩ. D. Nhà ngoại giao.

**B. PHẦN TỰ LUẬN ( 3 điểm)**

**Câu 29:** Dựa vào lí thuyết mật mã Holland, em hãy tự xác định nhóm tính cách cuả bản thân và kể tên một số công việc phù hợp với nhóm tính cách đó. Từ đó hãy lựa chọn nghề nghiệp phù hợp với bản thân.

**Câu 30:** Lập quy trình lựa chọn nghề nghiệp. Theo em, bước nào là quan trọng nhất?

Vì sao?

**IV. ĐÁP ÁN:**

**A. Phần trắc nghiệm ( 7 điểm) Mỗi đáp án đúng được 0,25 điểm**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 |
| Đáp án | C | B | D | A | C | D | C |
| Câu | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 |
| Đáp án | B | A | D | B | C | D | C |
| Câu | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 | 21 |
| Đáp án | A | A | D | C | B | B | B |
| Câu | 22 | 23 | 24 | 25 | 26 | 27 | 28 |
| Đáp án | C | C | D | B | D | B | C |

**B. Phần tự luận:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Đáp án** | **Điểm** |
| Câu 29  (2 điểm) | HS xác định được nhóm tính cách. | 0,5đ |
| HS kể tên được công việc phù hợp với nhóm tính cách | 0,75đ |
| HS lựa chọn nghề nghiệp phù hợp với bản thân. | 0,75đ |
| Câu 30  ( 1 điểm) | Quy trình lựa chọn nghề nghiệp:  Bước 1: Đánh giá bản thân  Bước 2: Tìm hiểu thị trường lao động  Bước 3: Ra quyết định  Trong ba bước trên, bước 1: Đánh giá bản thân là quan trọng nhất vì để lựa chọn nghề nghiệp phù hợp, trước tiên cần tìm hiểu để biết được năng lực, sở thích, tính cách của bản thân | 0,5 đ  0,25 đ  0,25 đ |

**Tài liệu được chia sẻ bởi Website VnTeach.Com**

**https://www.vnteach.com**